TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44/2025/QĐST-VLĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Hà

***Thư ký phiên họp*:** Bà Chu Tường Vy- Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 134/2025/TLST-VLĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số:48/2025/QĐST- VLĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1988; thường trú: Xóm X, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (nay là thôn X, phường T, tỉnh Hà Tĩnh); địa chỉ liên lạc: Số A, đường B, ấp B, xã B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 2002; thường trú: xóm D, thôn T, xã T, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/7/2025), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1992; thường trú: Xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh); có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH D (nay là Công ty TNHH D1); địa chỉ: E Đại lộ T, KCN S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là 5 Đại lộ T, KCN S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Ông Mao Hoàng N, sinh năm 1979; thường trú: 41 M, tổ A, khu phố C, xã K, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: số E, Đại lộ T, KCN S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/8/2025), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội Thành phố H; địa chỉ: Đường T, khu T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp ông Dương Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Đường T, khu T hành chính phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/8/2025), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày*: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2009 đến tháng 12/2009, bà Nguyễn Thị V làm việc tại Công ty TNHH A và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số 7509131146. Khoảng tháng 6/2025, bà V đi làm thủ tục hưởng bảo hiểm tại Bảo hiểm xã hội thì được biết đã bị trùng thời gian đóng bảo hiểm trong khoảng thời gian từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2010. Nguyên nhân là do vào tháng 11/2009 bà V cho bà Nguyễn Thị L mượn chứng minh nhân dân để làm việc tại Công ty TNHH D2. Quá trình làm việc, bà L được Công ty TNHH D2 tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ bảo hiểm là 7409307099 (dưới tên là Nguyễn Thị V). Vì thiếu hiểu biết, nên bà đã cho bà L mượn chứng minh nhân dân của mình để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D2. Vì vậy, nay bà V yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị V (do bà Nguyễn Thị L) giao kết và thực hiện hợp đồng với Công ty TNHH D2 là vô hiệu. Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L lời khai trong quá trình tố tụng bà L trình bày*: Bà là em gái của bà V, khoảng tháng 11/2009, do bà chưa đủ tuổi để giao kết hợp đồng lao động nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà V để xin vào làm việc tại Công ty TNHH D2 và Công ty đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2010 với số sổ bảo hiểm xã hội là 7409307099. Nay bà L thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà V và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà (dưới tên là Nguyễn Thị V) với Công ty TNHH D2 vô hiệu. Bà cũng không yêu cầu gì liên quan đến bảo hiểm trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà V.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH D2 (nay là Công ty TNHH D1) lời khai trong qua trình tố tụng ông Mao Hoàng N trình bày:* Ông là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH D1, Công ty D2 quá trình đăng ký kinh doanh đã được đổi tên 2 lần, đăng ký lần đầu với tên là Công ty TNHH D2, sau đó tiếp tục đổi tên thành Công ty TNHH D1 và hiện nay Công ty đang hoạt động dưới tên gọi là Công ty TNHH D1. Đối với yêu cầu của người lao động bà Nguyễn Thị V ông có ý kiến như sau: Việc bà Nguyễn Thị L mượn hồ sơ của bà Nguyễn Thị V để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D2 (nay là Công ty TNHH D1) thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả. Hồ sơ lao động của bà Nguyễn Thị V hiện tại Công ty không còn lưu giữ nên không thể cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Do không còn lưu giữ nên Công ty TNHH D2 (nay là Công ty TNHH D1) không biết bà Nguyễn Thị V giao kết hợp đồng lao động với Công ty

từ thời gian nào và thời hạn bao lâu. Lỗi dẫn đến việc Công ty ký kết hợp đồng với bà Nguyễn Thị V do bà Nguyễn Thị L cung cấp thông tin không trung thực phía Công ty không có lỗi. Đối với yêu cầu của Nguyễn Thị V Công ty không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, công ty TNHH D2 (nay là Công ty TNHH D1) không yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Thành phố H (viết tắt là BHXH) ông Dương Văn T trình bày*: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH D2 cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị V , sinh năm 1988, số CCCD 042188013286, với mã số BHXH 7409307099 có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2010 tại Công ty TNHH D2 chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra qua tra cứu dữ liệu thì bà Nguyễn Thị V còn có mã BHXH số 7509131146 từ tháng 11/2009 đến tháng 12/2009 tại Công ty TNHH A. Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Nguyễn Thị V và Công ty TNHH D2 đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị*: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị V là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T và ông Mao Hoàng N đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Qua văn bản trả lời của cơ quan Bảo hiểm xã hội Thành phố H thể hiện bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1988, số CCCD 042188013286, có tham gia BHXH với mã số BHXH 7409307099 có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2010 tại Công ty TNHH D2 chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra bà Nguyễn Thị V còn có mã BHXH số 7509131146 thời gian từ tháng 11/2009 đến tháng 12/2009 tại Công ty TNHH A.

[2.2] Xét thấy, dữ liệu trên cho thấy trong cùng một thời điểm (11/2009 đến tháng 12/2009), hệ thống BHXH ghi nhận bà V vừa tham gia tại Công ty TNHH A vừa có tên tham gia tại Công ty TNHH D2 (nay là Công ty TNHH D1) trong khi bà V khai thực tế chỉ làm việc tại Công ty TNHH A. Như vậy, có căn cứ xác định thông tin tham gia BHXH tại Công ty TNHH A và Công ty TNHH D2 (nay là Công ty TNHH D1) là không phù hợp với thực tế, ảnh hưởng trực tiếp đến

quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: "*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*". Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khoẻ và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*" và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*". Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền*" và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*". Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L1 thì: *"...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*". Do đó, có cơ sở xác định người tham gia ký kết hợp đồng lao động và thực hiệp hợp đồng lao động dưới tên Nguyễn Thị V tại Công ty TNHH D2 (nay là Công ty TNHH D1) không phải là bà Nguyễn Thị V. Nên việc công ty TNHH D2 (nay là Công ty TNHH D1) tham gia BHXH cho bà V với mà BHXH số: 7409307099 và Công ty TNHH A tham gia BHXH cho bà V Mã số: 7509131146 là không đúng là không đúng thực tế nên đã vi phạm nguyên tắc "trung thực" trong giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2010 giữa bà Nguyễn Thị V với người sử dụng lao động là công ty TNHH D2 (nay là Công ty TNHH D1) theo BHXH số 7409307099 vô hiệu toàn bộ.

[3.3] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: *"Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*, chấp nhận yêu cầu của bà V và ý kiến của bà về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH D2 (nay là Công ty TNHH D1) không phải là

bà Nguyễn Thị V. Bà V có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39;Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị V.

- Tuyên bố Hợp đồng lao động từ tháng 11/2009 đến tháng 01/2010 giữa bà Nguyễn Thị V với người sử dụng lao động là Công ty TNHH D2 (nay là Công ty TNHH D1) theo BHXH số 7409307099 vô hiệu toàn bộ.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0005530 ngày 25/7/2025 của Thi hành án Dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ việc.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Hà